NGHIÊN CỨU SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẾN MỨC ĐỘ CÔNG BỐ THÔNG TIN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA TẠI CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

TS. Hoàng Thị Thủy* - TS. Nguyễn Thị Kim Oanh* - TS. Nguyễn Thị Minh Thu*

Bài nghiên cứu xác định và làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của một số doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh, quy mô của công ty, mức độ độc lập của các thành viên trong hội đồng quản trị và các công ty kiểm toán có tác động cùng chiều đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững, đòn bảy tài chính có tác động ngược chiều đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp.

• Từ khóa: *phát triển bền vững; thông tin phát triển bền vững; doanh nghiệp sản xuất.*

The study identifies and elucidates the factors influencing the level of sustainability disclosure among listed manufacturing enterprises on the Vietnam stock market. The empirical results indicate that business performance, firm size, board independence, and audit firms exert a positive impact on the level of sustainability disclosure. Conversely, financial leverage is found to have a negative impact on the disclosure of sustainability information by these enterprises.

• Key words: *sustainability; sustainability disclosure; manufacturing enterprises.*

Ngày nhận bài: 21/3/2026
Ngày gửi phản biện: 29/4/2026
Ngày duyệt đăng: 14/5/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i313.20

1. Đặt vấn đề

Công bố thông tin về phát triển bền vững đã và đang trở thành công việc cần thực hiện của doanh nghiệp, là một phần của sự tương tác giữa doanh nghiệp và các bên liên quan vì thông qua đó cung cấp những thông tin liên quan đến những vấn đề về xã hội và môi trường tác động đến các hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó cung cấp thông tin phát triển bền vững giúp doanh nghiệp nâng cao tính minh bạch và danh tiếng, giúp doanh nghiệp hiểu rõ về rủi ro và cơ hội (Brown và c.s., 2009). Nguyễn Thị Thu Nguyệt (2022) đã chỉ ra mức độ công bố thông tin phát triển bền vững tại Việt Nam được đánh giá ở mức thấp, các doanh nghiệp Việt Nam vẫn chú trọng công bố thông tin kinh tế hơn là các thông tin thuộc về môi trường và xã hội. Đoàn Ngọc Phi Anh và cộng sự (2018) kết quả phản ánh chỉ có quy mô doanh nghiệp, tỷ suất sinh lời, tỷ lệ sở hữu vốn của nhà nước và đòn bảy tài chính ảnh hưởng tới mức độ cung cấp thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp. Nguyễn & Đặng (2019) đã chỉ ra hiệu quả kinh doanh được đo lường bởi chỉ tiêu sức sinh lời của tài sản tới mức độ công bố thông tin phát triển bền vững là cùng chiều. Ngoài ra còn các biến kiểm soát như quy mô của doanh nghiệp, Big 4, số lượng thành viên của hội đồng quản trị có ảnh hưởng cùng chiều, đòn bảy tài chính của doanh nghiệp có mối quan hệ ngược chiều. Tuy nhiên bài nghiên cứu xây dựng mức độ công bố thông tin dựa vào 7 mục thông tin được quy định theo thông tư số 155/2015/TT-BTC để đo lường mức độ công bố thông tin của phát triển bền vững và sử dụng phương pháp trọng số, tuy nhiên hiện nay thông tư số 155/2015/TT-BTC không còn hiệu lực và có thông tư Thông tư 96/2020/TT-BTC đưa ra và có hiệu lực ngày 1/1/2021 do đó việc sử dụng các thông tin để đo lường mức độ công bố thông tin phát triển bền vững theo thông tư 155/2015/TT-BTC không phù hợp trong giai đoạn hiện nay. Trong những năm gần đây, đã có nhiều nghiên

** Trường đại học Mỏ - Địa chất; email: thuyadong86 @gmail.com (tác giả chính) - nguyenthikimoanh@humg.edu.vn - nguyenthiminhthu@humg.edu.vn*

cứu trong và ngoài nước có liên quan đến mức độ cung cấp thông tin phát triển bền vững tuy nhiên tồn tại kết quả nghiên cứu khác nhau, do đó cần có thêm các nghiên cứu liên quan mức độ công bố thông tin phát triển bền vững theo những quy định mới tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

2. Mô hình và phương pháp nghiên cứu

2.1. Giả thuyết nghiên cứu

2.1.1. Sự ảnh hưởng của hiệu quả kinh doanh

Hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp là khả năng tạo ra lợi nhuận để duy trì trong dài hạn và phát triển trong ngắn hạn. Đây cũng là chỉ số sử dụng để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp, là một trong những căn cứ để các nhà đầu tư xem xét trong quá trình đưa ra quyết định có nên đầu tư cổ phiếu vào doanh nghiệp hay không. Theo Uwuigbe & Egbide (2012) hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp càng cao đồng nghĩa với mức độ sẵn sàng cống hiến các nguồn lực tài chính để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững của doanh nghiệp càng lớn, do đó lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ công bố thông tin phát triển bền vững có mối quan hệ cùng chiều. Hiệu quả kinh doanh càng cao chứng tỏ mức độ thành công của doanh nghiệp càng lớn, khi đó doanh nghiệp có điều kiện để thực hiện tốt hơn trách nhiệm xã hội, các hoạt động phúc lợi cộng đồng. Do đó hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp có tác động cùng chiều với việc công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp. Từ đó, bài nghiên cứu đưa ra giả thuyết H1:

H1: Các doanh nghiệp điển hình có hiệu quả kinh doanh càng lớn thì mức độ công bố thông tin phát triển bền vững càng lớn.

2.1.2. Sự ảnh hưởng của đòn bẩy tài chính

Đòn bẩy tài chính là thước đo giúp doanh nghiệp đánh giá và cân đối được tình hình đầu tư, tài chính hiện tại của doanh nghiệp. Khi doanh nghiệp sử dụng đòn bẩy tài chính tức là doanh nghiệp huy động vốn từ vay nợ, phát sinh tiền lãi, tính vào chi phí tài chính, làm giảm số thuế phải nộp cho nhà nước. Tuy nhiên sử dụng đòn bẩy tài chính không phải lúc nào cũng mang lại kết quả tích cực, nếu không sử dụng một cách hiệu quả đòn bẩy tài chính có thể gây ra tác động tiêu cực cho doanh nghiệp. Vay nợ quá nhiều, doanh nghiệp phải đối mặt với rủi ro tài chính, áp lực trả nợ và lãi suất vay. Việc chuẩn bị cho công bố thông tin liên quan phát triển bền vững là một thủ tục tốn kém, do đó tại các doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính cao có xu hướng giảm mức độ công bố thông tin. Bên cạnh đó trong bài nghiên cứu của Nelling & W. Coope (2008) đã chỉ ra doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính cao thì có rủi ro tài chính cao, đối mặt với khả năng vỡ nợ cao do đó doanh nghiệp có xu hướng giảm công bố thông tin, do đó bài nghiên cứu đưa ra giả thuyết:

H2: Doanh nghiệp có đòn bẩy tài chính càng cao thì mức độ công bố thông tin phát triển bền vững càng giảm

2.1.3. Sự ảnh hưởng của quy mô của doanh nghiệp

Công ty càng lớn thì thường đa dạng ngành nghề kinh doanh, các công ty lớn tự nguyện công bố thông tin về phát triển bền vững để thu hút nhiều vốn đầu tư hơn nhằm duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh. Với mục đích tăng cường uy tín cũng như lợi thế cạnh tranh trên thị trường, các công ty lớn thường coi trong các hoạt động, dự án có liên quan đến bảo vệ môi trường hay có trách nhiệm với xã hội, đây cũng được xem là cách quảng bá hình ảnh của công ty thêm gần gũi và được nhiều người biết đến, từ đó giúp cho doanh nghiệp nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Ngoài ra các công ty có quy mô lớn thường là công ty có tiềm lực về tài chính, do đó các công ty sẵn sàng chi cho các hoạt động thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, nâng cao vị thế cũng như năng lực cạnh tranh. Để quảng bá cho các hoạt động đó họ cũng sẵn sàng bỏ ra chi phí để công bố các thông tin liên quan. Do đó, bài nghiên cứu đưa ra giả thuyết:

Giả thuyết H3: Doanh nghiệp có quy mô càng lớn thì mức độ công bố thông tin càng nhiều.

2.1.4. Sự ảnh hưởng tuổi doanh nghiệp

Tuổi của công ty tính từ năm thành lập công ty đến thời điểm công bố báo cáo thường niên. Với một công ty có số năm hoạt động càng nhiều, công ty đó sẽ có uy tín và kinh nghiệm trong việc lập và trình bày báo cáo cung cấp thông tin của doanh nghiệp. Hơn nữa các doanh nghiệp có thời gian hoạt động càng dài, thường có nhiều thành tựu để công bố, đây cũng là cách quảng bá nâng cao vị thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có thời gian hoạt động càng dài thì họ có nhiều ảnh hưởng đến xã hội, họ phải chịu trách nhiệm nhiều hơn trước lợi ích của các bên liên quan khác trong xã hội do đó công bố nhiều

hơn các thông tin có liên quan đến trách nhiệm xã hội để nâng cao danh tiếng và hình ảnh của họ. Do đó, bài nghiên cứu đưa ra giả thuyết:

Giả thuyết H4: Tuổi của doanh nghiệp có tác động cùng chiều đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững.

2.1.5. Mức độ độc lập của hội đồng quản trị

Các thành viên hội đồng quản trị không tham gia điều hành doanh nghiệp được cho là có thể đánh giá hiệu quả quản lý một cách khách quan và trung thực hơn so với các thành viên trong hội đồng quản trị có tham gia điều hành doanh nghiệp. Do đó các thành viên tham gia hội đồng quản trị mà không điều hành doanh nghiệp thì thực hiện giám sát và kiểm soát tốt hơn. Mức độ độc lập của hội đồng quản trị được đo bằng số thành viên của hội đồng quản trị không tham gia điều hành trên tổng số thành viên của hội đồng quản trị. Các thành viên hội đồng quản trị độc lập có khả năng hỗ trợ việc công bố các hoạt động trách nhiệm xã hội đối với việc phát triển bền vững để giảm sự bất cân xứng thông tin giữa người bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, do đó bài nghiên cứu đưa ra giả thuyết:

Giả thuyết H5: Mức độ độc lập của hội đồng quản trị và mức độ công bố thông tin phát triển bền vững có mối quan hệ cùng chiều.

2.1.6. Công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán là một đơn vị cung cấp độc lập các dịch vụ xác định tính minh bạch của số liệu và thông tin tài chính của doanh nghiệp. Hiện nay các công ty kiểm toán có độ uy tín và nổi tiếng về quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt và có tính chuyên môn cao bao gồm 4 công ty (Big 4): Công ty kiểm toán Deloitte, PricewaterhouseCoopers (PwC), Ernst & Young (E&Y) và Klyneveld (KPMG). Các công ty thuộc Big4 cần bảo vệ uy tín và thương hiệu toàn cầu, do đó trong quá trình làm việc có xu hướng thận trọng hơn, do đó các doanh nghiệp sẽ cần phải minh bạch hóa thông tin để nâng cao uy tín, đồng thời cũng giảm rủi ro pháp lý và danh tiếng cho công ty và bên kiểm toán. Bên cạnh đó với đội ngũ nhân lực của các công ty kiểm toán trong nhóm Big4 thường có chuyên môn cao, luôn được đào tạo cập nhật các kiến thức theo các chuẩn mực báo cáo bền vững quốc tế do đó trong quá trình kiểm toán họ đưa ra các thông tin góp ý cho doanh nghiệp và tư vấn cho doanh nghiệp trong hoạt động công bố thông tin được hoàn thiện hơn. Các công ty được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big4 sẽ nâng cao uy tín và niềm tin hơn đối với các bên liên quan đối với các thông tin công bố, từ đó giúp cho doanh nghiệp thuận lợi trong việc thu hút vốn và xây dựng hình ảnh. Do đó bài nghiên cứu đưa ra giả thiết:

Giả thuyết H6: Các doanh nghiệp được kiểm toán bởi các công ty kiểm toán thuộc nhóm Big4 có mức độ công bố thông tin tốt hơn và nhiều hơn.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Để phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến việc công bố thông tin phát triển bền vững của một số doanh nghiệp sản xuất trên thị trường chứng khoán Việt Nam, dựa trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước đây như Caturida et al., (2018) ; Lê & Vũ (2024)… mô hình nghiên cứu được xây dựng:

$$SDDI = \alpha 0 + \alpha 1*ROA + \alpha 2* DF + \alpha 3* SIZE + \alpha 4* AGE + \alpha 5 * NED + \varepsilon$$

Trong đó SDDI: Được giải thích là chỉ số đo lường công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp. Bài nghiên cứu dựa trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước đây và chọn lọc danh mục công bố thông tin theo hướng dẫn của báo cáo phát triển bền vững được xuất bản bởi IFC và Ủy ban chứng khoán nhà nước công bố năm 2024 có điều chỉnh bổ sung, loại trừ một số thông tin bắt buộc công bố theo quy định theo thông tư số 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính. Một số mục và chỉ mục bị loại trừ khỏi danh sách cho phù hợp với điều kiện đặc thù của các doanh nghiệp tại Việt Nam và phạm vi thời gian nghiên cứu, cuối cùng nhóm tác giả chọn danh mục công bố thông tin phát triển bền vững gồm 120 chỉ mục.

Bảng 1: Định nghĩa về biến độc lập trong mô hình nghiên cứu

Biến giải thích	Ký hiệu	Công thức tính	Tương quan kỳ vọng
Hiệu quả kinh doanh	ROA	Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản	+
Đòn bẩy tài chính	DF	Nợ phải trả / Tổng tài sản	-
Quy mô doanh nghiệp	SIZE	Ln (Tổng tài sản)	+
Tuổi doanh nghiệp	AGE	Ln (Số năm thành lập)	+
Mức độ độc lập của hội đồng quản trị	NED	Số thành viên HĐQT không tham gia điều hành / Tổng số thành viên hội đồng quản trị	+
Công ty kiểm toán	Big4	Biến giả bằng 0 nếu công ty kiểm toán không nằm trong Big4, bằng 1 nếu nằm trong Big4	+

Nguồn: Tác giả tổng hợp

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- Mẫu nghiên cứu: Bài nghiên cứu lấy 244 doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán tại Việt Nam năm 2025 làm mẫu nghiên cứu.

- Phương pháp phân tích: Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng với phần mềm Stata 14 để đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến việc công bố thông tin phát triển bền vững của một số doanh nghiệp điển hình tại Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Phân tích tương quan

Với dữ liệu thu được để kiểm tra mối quan hệ tương quan giữa các nhân tố ảnh hưởng trên mô hình đưa ra, bài báo tiến hành phân tích tương quan thông qua hệ số tương quan.

Bảng 2: Phân tích ma trận tương quan và hệ số VIF của các biến nghiên cứu

Biến	SDDI	ROA	DF	SIZE	AGE	NED	BIG	VIF
SDDI	1,0000							
ROA	0,2606	1,0000						1,13
DF	-0,2049	-0,2178	1,0000					1,09
SIZE	0,3061	0,1678	0,1303	1,0000				1,15
AGE	0,1586	0,1748	0,0493	0,1243	1,0000			1,05
NED	0,1335	0,0330	-0,0509	0,0263	0,0370	1,0000		1,01
BIG4	0,2236	0,0786	-0,0073	0,2642	0,0010	-0,0683	1,0000	1,09

Nguồn: Kết quả phân tích ma trận tương quan và hệ số VIF

Hệ số tương quan giữa các nhân tố ảnh hưởng như hiệu quả kinh doanh, đòn bẩy tài chính, tuổi của doanh nghiệp, quy mô của doanh nghiệp và mức độ độc lập của hội đồng quản trị đến việc công bố thông tin phát triển bền vững đều nhỏ hơn 0,8, cho thấy giữa các biến nghiên cứu không có hiện tượng đa cộng tuyến. Để khẳng định được chặt chẽ hơn về mô hình nghiên cứu có bị hiện tượng đa cộng tuyến hay không, bài nghiên cứu kiểm tra thêm trên phần mềm Stata thông qua công cụ VIF. Theo kết quả bảng 2 hệ số VIF < 2, điều này chứng minh rằng các biến số trong mô hình không có mối quan hệ đa cộng tuyến với nhau.

3.2. Kết quả các nhân tố ảnh hưởng đến việc công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Để tìm ra xu hướng tác động cũng như ước lượng mức độ tác động của yếu tố đóng vai trò là biến độc lập trong mô hình, bài nghiên kiểm tra mô hình không có hiện tượng phương sai thay đổi, do đó lựa chọn mô hình hồi quy OLS. Kết quả nghiên cứu thể hiện trên bảng 3 cho thấy:

- Hiệu quả kinh doanh: Theo kết quả của mô hình trên bảng 3 cho thấy tỷ suất sinh lời là một yếu tố ảnh hưởng tới việc công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp. Hiệu quả kinh doanh và việc công bố thông tin phát triển bền vững của công ty có mối tương quan cùng chiều với ý nghĩa thống kê ở mức 5% và hệ số hồi quy của hiệu quả kinh doanh là 0,231. Khi các công ty có mức sinh lời càng cao, họ sẽ có xu hướng cung cấp thông tin nhiều hơn. Khi công ty tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao, công ty có cơ hội sử dụng một phần lợi nhuận để thực hiện các hoạt động có trách nhiệm với xã hội như chú trọng vấn đề môi trường, chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm, tăng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện chính sách nâng cao chất lượng sản phẩm. Kết quả nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với giả thuyết H1 mà nhóm tác giả đưa ra, đồng thời cũng trùng với quan điểm của các nghiên cứu trước đó đối với các doanh nghiệp thuộc ngành hóa chất, ngành nông lâm thủy sản (Bùi & Nguyễn, 2021).

- Đòn bẩy tài chính: Theo kết quả bảng 3 cho thấy đòn bẩy tài chính ảnh hưởng tới việc công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp, mối quan hệ là ngược chiều với ý nghĩa thống kê ở mức 1% và hệ số hồi quy của đòn bẩy tài chính là -0,190. Kết quả nghiên cứu chứng minh được giả thuyết H2 do bài nghiên cứu đề xuất, khi doanh nghiệp huy động vốn vay nhiều hơn thì xu hướng cung cấp thông tin liên quan đến phát triển bền vững ít hơn.

- Quy mô của doanh nghiệp: Để chứng minh giả thuyết H3, kết quả của mô hình thể hiện quy mô là nhân tố ảnh hưởng đến việc công bố thông tin phát triển bền vững và có ý nghĩa thống kê tại mức 1%. Hệ số hồi quy là 0,0275 cho thấy quy mô có tác động cùng chiều việc công bố thông tin phát triển bền vững, khi quy mô của doanh nghiệp càng lớn thì tỷ lệ công bố thông tin càng cao. Do các doanh nghiệp có quy mô càng lớn có tính lợi thế về kinh tế, bộ máy quản lý lớn cùng với kinh nghiệm lâu năm do đó lượng thông tin cũng minh bạch hơn, họ có nhiều thành tích để công bố thông tin. Ngoài ra đối với các công ty có quy mô lớn thường có nguồn tài chính mạnh,

do đó có nguồn để đầu tư cho các hoạt động có trách nhiệm với xã hội. Đây cũng là cách để doanh nghiệp truyền bá hình ảnh, thương hiệu của doanh nghiệp, nâng cao vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp. Do đó giả thuyết H3 đưa ra là đúng.

Bảng 3: Mối quan hệ các nhân tố ảnh hưởng tới mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp

Biến	SDDI
ROA	0,231**
	(2,28)
DF	-0,190***
	(-3,44)
SIZE	0,0275***
	(4,12)
AGE	0,0404*
	(1,85)
NED	0,116**
	(2,05)
BIG4	0,0632**
	(2,55)
-cons	2,481***
	(2,55)
N	244

Ghi chú:,** và *** tương ứng với mức ý nghĩa thống kê 10%, 5% và 1%*

Nguồn: Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu theo phương pháp OLS

- Tuổi của doanh nghiệp: Theo kết quả nghiên cứu trên bảng 3 cho thấy hệ số hồi quy giữa tuổi của doanh nghiệp đã thông qua kiểm định (α = 0,0404), với ý nghĩa thống kê 10%. Doanh nghiệp có tuổi càng cao chứng tỏ sự tồn tại và phát triển trải qua thời gian càng dài,thường có nhiều kinh nghiệm và thành tích để công bố. Do đó họ có xu hướng công bố thông tin nhiều hơn, giả thuyết H4 được kiểm định thông qua.

- Mức độ độc lập hội đồng quản trị: Kết quả theo bảng 3 cho thấy trong hội đồng quản trị, số thành viên độc lập và việc công bố thông tin trên báo cáo phát triển bền vững có mối quan hệ cùng chiều. Hệ số ảnh hưởng của mức độ độc lập của hội đồng quản trị là 0,116, với mức ý nghĩa thống kê được thể hiện 5%. Giả thuyết H5 được thông qua.

- Công ty kiểm toán: Kết quả theo bảng 3 cho thấy các công ty tiến hành kiểm toán được thực hiện bởi các đơn vị kiểm toán thuộc nhóm các công ty kiểm toán BIG4 thì sẽ có mối quan hệ cùng chiều với mức độ công bố thông tin phát triển bền vững. Hệ số ảnh hưởng của các công ty kiểm toán là 0,0632, với mức ý nghĩa thống kê thể hiện 5%. Giả thuyết H6 được thông qua.

Kết luận

Bài nghiên cứu đã thu thập ngẫu nhiên thông tin của 244 doanh nghiệp sản xuất niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, sử dụng mô hình hồi quy dữ liệu chéo để xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu cho thấy: Mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của các công ty bị ảnh hưởng bởi các yếu tố: Hiệu quả hoạt động kinh doanh, đòn bẩy tài chính, quy mô của công ty, mức độ độc lập của các thành viên trong hội đồng quản trị và các công ty kiểm toán, trong đó đòn bẩy tài chính có tác động ngược chiều, các yếu tố còn lại đều tác động cùng chiều với mức độ công bố thông tin phát triển bền vững. Thông qua kết quả bài nghiên cứu cung cấp thêm trường hợp điển hình làm rõ các yếu tố tác động đối với mức độ công bố thông tin phát triển bền vững với nội dung phạm vi nghiên cứu chỉ giới hạn của các công ty sản xuất tại Việt Nam. Vì vậy nhóm tác giả đề xuất có thể phát triển nghiên cứu sâu hơn về phạm vi nghiên cứu chi tiết hơn đối với các công ty thuộc các ngành nghề khác nhau tại Việt Nam, để chỉ ra sự khác biệt về đặc điểm sản xuất kinh doanh sẽ ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của doanh nghiệp, ngoài ra bổ sung tiếp vào mô hình nghiên cứu các yếu tố khác như đặc điểm ngành nghề kinh doanh, rủi ro tài chính của doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo

Brown, H. S., Jong, W. M. de, & Levy, D. (2009). (PDF) Building Institutions Based on Information Disclosure: Lessons from GRI's Sustainability Reporting. Journal of Cleaner Production.

Bùi Minh Phương & Nguyễn Thị Thanh Loan (2021). Factors affectingthe sustainability disclosure of chemical companies listed on the VietNam stock market. FTU Working Paper Series, 2, 207–230.

Đoàn Ngọc Phi Anh, & Nguyễn Thị Tuyết Nga (2018). Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế, 480, 15–23.

Nelling, E., &W. Coope, E. (2008). Corporate Social Responsibility and Financial Performance: The "Virtuous Circle" Revisited. ResearReview of Quantitative Finance and AccountingchGate.

Nguyễn Văn Linh và Đặng Ngọc Hùng (2019). Ảnh hưởng hiệu quả kinh doanh tới mức độ công bố thông tin phát triển bền vững của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Tạp chí khoa học và công nghệ, 122-129.

Nguyễn Thị Thu Nguyệt (2022). Mức độ công bố thông tin phát triển bền vững trong mối quan hệ với chất lượng thông tin kế toán và hiệu quả hoạt động của các công ty niêm yết tại Việt Nam. Đại học kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

Uwuigbe,U.,& Egbide, B.-C. (2012). Corporate Social Responsibility Disclosures in Nigeria: A Study of Listed Financial and Non-Financial Firms. Journal of Management and Sustainability, 160–169.